TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THANH HÓA** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 15/2020/QĐST-DS	*TP. Thanh Hóa, ngày 26 tháng 8 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải ngày 18 tháng 8 năm 2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 53/2020/TLST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V(V).

Địa chỉ: L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền:

- Ông Phạm Tuấn A - Phó Giám đốc Trung tâm pháp luật Ngân hàng SME và cá nhân V Hội Sở (Theo văn bản ủy quyền số: 11/2018/UQ-HĐQT ngày 02/03/2018).

- Ông Nguyễn Chí T - Chuyên viên xử lý nợ V AMC, (Theo văn bản ủy quyền số 6238/2019/UQ-VPB ngày 19/08/2019).

Địa chỉ: đường P, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Ông Ngô Xuân B – sinh năm 1949.

Bà Lê Thị L – sinh ngày 1946.

Cùng địa chỉ: ngõ C, đường T, phường N, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Ngô Xuân P – sinh năm 1976, *(Theo văn bản ủy quyền ngày 29/7/2020)*.

Địa chỉ: ngõ C, đường T, phường N, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Tính đến ngày 18/8/2020, ông B, bà L còn nợ Ngân hàng V theo Hợp đồng tín dụng số: 11899445 ngày 08/02/2017 tổng số tiền là: 995.032.623đ (*chín trăm chín mươi lăm triệu, không trăm ba mươi hai nghìn, sáu trăm hai mươi ba đồng)*. trong đó: Nợ gốc: 630.040.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 23.170.934 đồng, nợ lãi quá hạn: 341.821.689 đồng.

Ông B, bà L trả nợ cho Ngân hàng V theo phương án trả nợ như sau:

- Kỳ 1: Ngày 25/10/2020, ông B, bà L phải thanh toán cho Ngân hàng V số tiền 200.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm triệu đồng chẵn).

- Kỳ 2: Ngày 25/11/2020, ông B, bà L phải thanh toán cho Ngân hàng V số tiền 200.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm triệu đồng chẵn).

- Kỳ 3: Ngày 25/12/2020, ông B, bà L phải thanh toán số tiền còn lại là 595.032.623 *đồng (Năm trăm chín lăm triệu, không trăm ba hai nghìn, sáu trăm hai ba đồng.* Kể từ ngày 19/8/2020 ông B, bà L tiếp tục chịu tiền lãi chậm thanh toán trên số tiền nợ gốc theo lãi suất hai bên thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Nếu ông B, bà L vi phạm bất kỳ kỳ trả nợ nào như đã cam kết thì Ngân hàng V có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 167, tờ bản đồ số 02 tại địa chỉ ngõ C, đường T, phường N, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa. (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số AE 846621, cấp ngày 20/09/2006 mang tên ông Ngô Xuân B và bà Lê Thị L (chi tiết theo Hợp đồng thế chấp số 11899445/TC ký ngày 08/02/2017), để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho ngân hàng.

- Về án phí: Ông B, bà L cung cấp cho Tòa án: giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu gia đình của ông B, bà L. Đồng thời, ông, bà có đơn đề nghị được miễn án phí Tòa án (do ông B, bà L là người cao tuổi). Căn cứ điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/2016 UBTVQH 14; Điều 1 phần I mục B Danh mục án phí lệ phí Tòa án kèm theo Nghị quyết 326/2016 UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông B, bà L.

Ngân hàng TMCP Vđược trả lại 18.836.000đ (Mười tám triệu tám trăm ba mươi sáu ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001034 ngày 19/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận
- Các đương sự;
- VKSND TP. Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Trần Thị Nga